TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2023/HS-ST Ngày:11/01/2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trọng Sơn.

Ông Nguyễn Công Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Trình Ngọc Tài - Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27 /2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

- Trần Văn C; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03/6/1998 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thôn P, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Trần Văn T - SN: 1964; Mẹ: Trần Thị A SN: 1968; Vợ: Nguyễn Thị Thục Y - SN: 1998; Có 01 con - sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/9/2022 đến nay tại xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1988 (đã chết).

Bị hại: Phạm Ngọc Kiều Q – Sinh ngày: 23/8/2012 và Phạm Ngọc H – Sinh ngày: 23/10/2016; cả hai là con ruột của bà N và ông D.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Phạm Thái D – Sinh năm: 1983; Là chồng của bị hại N và cha của bị hại Q, H; Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên – Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại N: Ông Nguyễn Hữu B – Sinh năm 1960 và bà Lê Thị E – Sinh năm 1969 *(là cha và mẹ ruột của bị hại N)*. Cả 2 trú tại: Thôn L, xã X3, huyện D, tỉnh Phú Yên, đều vắng mặt - Ủy quyền cho anh Phạm Thái D tham gia giải quyết vụ án. Được thể hiện tại các biên bản làm việc (BL102, 103,105).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T – Sinh năm: 1964; trú tại: thôn K, xã U, Huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h00’ ngày 10/01/2022, Trần Văn C điều khiển xe mô tô BKS: 47a1-aaa.aa đến nhà Lê Mo G ở thôn S- xã X- huyện D để uống rượu với G và 02 người khác. Đến khoảng 12h30’ cùng ngày, sau khi cả nhóm uống hết khoảng 1,5 lít rượu thì C không uống nữa và điều khiển xe mô tô BKS: 47a1-aaa.aa lưu hành trên tuyến Quốc lộ F hướng từ thôn S đến thôn P- xã X- huyện D để đi về nhà. Khi đến Km xx+xxx đoạn qua thôn P, C điều khiển xe của mình lấn sang phần đường bên trái hướng lưu hành tung vào xe mô tô BKS: 78y1-yyy.yy do chị Nguyễn Thị N điều khiển chở phía sau cháu Phạm Ngọc Kiều Q và cháu Phạm Ngọc H đang lưu hành theo hướng ngược chiều. Hậu quả chị N chết khi đang cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định, hai cháu Q và H bị thương nhẹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 10/TgT ngày 14/02/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên, kết luận: Nguyên nhân chết của chị Nguyễn Thị N là do chấn thương sọ não.

Đối với Phạm Ngọc Kiều Q và Phạm Ngọc H chỉ bị thương tích nhẹ nên gia đình không đưa giám định thương tích.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTTHS ngày 18/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS: 78y1-yyy.yy là 9.700.000 đồng, xe mô tô BKS: 47a1-aaa.aa là 8.690.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS: 78y1-yyy.yy *(đã trả cho chủ sở hữu)*.

- 01 xe mô tô BKS: 47a1-aaa.aa và một số mảnh vỡ kim loại, nhựa.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-ĐX ngày 26/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Trần Văn C về tội: *" Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu. Kết luận bị cáo Trần Văn C phạm tội: *"Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ"*. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 BLHS đối với bị cáo. Xử phạt: Trần Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Tuyên trả lại cho bị cáo C 01 xe mô tô BKS: 47a1-aaa.aa chiếc xe của ông Trần Văn T mua cho bị cáo; Tuyên tiêu hủy một số mảnh vỡ kim loại, nhựa.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường 200.000.000đ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra xác định vào ngày 10/01/2022, bị cáo Trần Văn C có sử dụng rượu trước khi điều khiển xe mô tô 47a1-aaa.aa gây tai nạn. Bản thân C cũng bị thương và cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, quá trình cấp cứu, do đã hết hoá chất xét nghiệm nồng độ cồn nên Bệnh viện không tiến hành xét nghiệm nồng độ cồn trong máu đối với C theo phiếu yêu cầu xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Công an huyện D. Do đó, không đủ cơ sở áp dụng tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với C.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại đều khai phù hợp với nội dung bản Cáo trạng; bị cáo xin tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo; người đại diện hợp pháp của bị hại xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, vì hiện nay con bị cáo còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12h30’ ngày 10/01/2022, Trần Văn C điều khiển xe mô tô BKS: 47a1- aaa.aa lưu hành trên tuyến Quốc lộ F hướng từ thôn S đến thôn P- xã X- huyện D. Khi đến km xx+xxx đoạn qua thôn P, bị cáo C điều khiển xe của mình lấn sang phần đường bên trái hướng lưu hành, tung vào xe mô tô BKS: 78y1-yyy.yy do bà Nguyễn Thị N điều khiển chở phía sau cháu Phạm Ngọc Kiều Q và cháu Phạm Ngọc H *(cả hai cháu là con ruột của bà N)* đang lưu hành theo hướng ngược chiều. Hậu quả bà N và bị cáo C bị thương được đưa đi cấp cứu, đến ngày 14/01/2022 thì bà N chết khi đang cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định. Hai cháu Q và H bị thương tích nhẹ. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Trần Văn C về tội: *"Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn C xác định vào ngày 10/01/2022, có sử dụng rượu trước khi điều khiển xe mô tô 47a1-aaa.aa gây tai nạn. Sau khi gây tai nạn, bản thân C cũng bị thương và cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, tại thời điểm cấp cứu C, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên đã hết hoá chất xét nghiệm nồng độ cồn, nên Bệnh viện không tiến hành xét nghiệm nồng độ cồn trong máu đối với C, theo phiếu yêu cầu xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Công an huyện D đề nghị. Do đó, không đủ cơ sở xác định C có sử dụng rượu bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định. Để áp dụng tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với C.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn, trật tự công cộng, điều khiển xe mô tô tham gia giao không đi đúng phần đường, không chú ý quan sát dẫn đến gây tai nạn giao thông nghiêm trọng, hậu quả làm chết 01 (một) người. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ lỗi thuộc về bị cáo, đồng thời có sử dụng rượu khi tham gia giao thông nên cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại, được đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, nên cần áp dụng Khoản 3 Điều 54 để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định, xử phạt bị cáo một mức án phù hợp để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt.

Xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 260 BLHS đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C và người đại diện hợp pháp bị hại đã thỏa thuận bồi thường số tiền 200.000.000đ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào khác, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c, khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 47a1-aaa.aa, bị cáo C điều khiển gây tai nạn. Đây là chiếc xe mô tô của ông Trần Văn T *(cha ruột bị cáo)* mua, người đứng tên xe là Trần Văn M *(em ruột bị cáo)*. Sau khi C có vợ, gia đình đã cho nên thuộc sở hữu của C, do đó trả lại cho C.

- Tuyên tiêu hủy một số mảnh vỡ kim loại, nhựa.

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng lập giữa cơ quan Cảnh sát điều tra huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D lập ngày 28/12/2022).

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Văn C phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C phạm tội: *"Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 BLHS.

Xử phạt: Trần Văn C 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, về tội: *"Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS. Tuyên trả lại cho Trần Văn C 01 xe mô tô BKS: 47a1-aaa.aa.

Tuyên tiêu hủy: Một số mảnh vỡ kim loại, nhựa *(đã được niêm phong).*

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng lập giữa cơ quan Cảnh sát điều tra huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D lập ngày 28/12/2022).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi liên quan vụ án, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- UBND xã X;
- CC THADS huyện D;
- Những người tham gia tố tụng;